

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-3-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1998 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp 5C, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn H2, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Đỗ Văn H2 chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 6 năm 2016. Chị và anh Đỗ Văn H2 có 02 người con chung tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27/4/2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10/3/2020, khi ly thân sống chung với chị, đến tận trường tháng 9 năm 2024 chị giao về cho anh Đỗ Văn H2 nuôi dưỡng để các con đi học, hiện nay đang sống chung với anh Đỗ Văn H2; về tài sản chung, chị và anh Đỗ Văn H2 không có tài sản chung; về nợ, chị và anh Đỗ Văn H2 không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Đỗ Văn H2 thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Đỗ Văn H2 nghe lời gia đình anh, tính toán chi ly tiền bạc với chị và tính gia trưởng trong gia đình, chị và anh Đỗ Văn H2 sống không hạnh phúc, chị sống ly thân với anh Đỗ Văn H2 từ ngày 12/7/2021 cho đến nay, thời gian 01 năm nay chị và anh Đỗ Văn H2 không có liên lạc gì với nhau. Chị thấy, chị và anh Đỗ Văn H2 không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn H2. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27/4/2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10/3/2020 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Đỗ Văn H2 cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp theo quy định pháp luật giao 02 người con chung cho anh Đỗ Văn H2 tiếp tục nuôi dưỡng thì khi có tiền chị sẽ gửi hỗ trợ nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14 tháng 11 năm 2024 và Đơn yêu cầu giải quyết và xét xử xin vắng mặt ngày 17 tháng 12 năm 2024, bị đơn anh Đỗ Văn H2 trình bày như sau:*

Anh không đồng ý ly hôn chị Dương Thị H, anh muốn đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Về quan hệ con chung, anh xác định trong thời gian anh chị chung sống có 02 người con chung tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2020, hiện nay đang chung sống với anh. Nếu chị Dương Thị H quyết định ly hôn mà không đoàn tụ được thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung của anh chị tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2020 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Đỗ Thị Tường D, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh xác định trong thời gian sinh sống không có tài sản chung,

không có nợ, anh không yêu cầu giải quyết. Anh đi làm ăn xa nên không tham gia giải quyết, xét xử vụ án được, anh yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt anh và cam kết không yêu cầu, khiếu nại về sau.

** Tại Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Đỗ Thị Tường D như sau:*

Đỗ Thị Tường D con của chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2, địa chỉ: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Từ khi cha và mẹ không còn chung sống với nhau thì Đỗ Thị Tường D sống chung với cha là anh Đỗ Văn H2. Nếu cha mẹ của Đỗ Thị Tường D ly hôn, Đỗ Thị Tường D có nguyện vọng chung sống với cha là anh Đỗ Văn H2, địa chỉ: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang và cam kết là đúng sự thật, chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2 xác lập hôn nhân và sinh sống, làm việc tại ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi bất hòa trong làm ăn kinh tế gia đình nên anh chị đã sống ly thân. Anh chị có 02 người con chung, hiện nay đang chung sống với anh Đỗ Văn H2.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Dương Thị H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1998 (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn giữa Dương Thị H và Đỗ Văn H2 số: 72/2016 ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Giấy khai sinh tên Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27/4/2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10/3/2020 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 15 tháng 7 năm 2024 của chị Dương Thị H (Bản chính); Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 20/12/2023 của Công an xã Nam Thái (Bản sao); Biên bản xác minh ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trình bày nguyện vọng ngày 17/12/2024 của Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27/4/2016 (Bản chính); Đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 17 tháng 12 năm 2024 anh Đỗ Văn H2 (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Dương Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn H2. Về

quan hệ con chung, khi ly hôn chị giao 02 người con chung tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2020 cho anh Đỗ Văn H2 tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con Đỗ Thị Tường D, chị không cấp dưỡng nuôi con, chị làm có tiền chị gửi cho con. Về tài sản chung và nợ, chị Dương Thị H tự xác định không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Đỗ Văn H2 gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Văn H2 gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Dương Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn H2 và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn H2. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao 02 người con chung của anh chị cho anh Đỗ Văn H2 tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung anh chị tên Đỗ Thị Tường D. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đỗ Văn H2 không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2 tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Dương Thị H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Đỗ Văn H2, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn cư trú tại: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn H2 biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về

việc chị Dương Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh thì anh Đỗ Văn H2 không có ý kiến yêu cầu gì bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đỗ Văn H2 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đỗ Văn H2 thì anh gửi đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, đồng thời tại phiên tòa hôm nay chị Dương Thị H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đỗ Văn H2 theo quy định tại Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2 chung sống với nhau vào năm 2015 âm lịch, đến năm 2016 anh chị đi đăng ký kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú*) cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 72/2016 ngày 07 tháng 6 năm 2016, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Dương Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn H2, quá trình chung sống chị và anh Đỗ Văn H2 thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Đỗ Văn H2 nghe lời gia đình anh, tính toán chi ly tiền bạc với chị và tính gia trưởng trong gia đình, chị và anh Đỗ Văn H2 sống không hạnh phúc, chị sống ly thân với anh Đỗ Văn H2 từ ngày 12/7/2021 cho đến nay, thời gian 01 năm nay chị và anh Đỗ Văn H2 không có liên lạc gì với nhau. Chị thấy, chị và anh Đỗ Văn H2 không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn H2 thì anh Đỗ Văn H2 cũng đồng ý, nhưng anh không tham dự phiên họp và phiên tòa nên không công nhận sự tự thỏa thuận tình giữa anh chị được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Dương Thị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn H2. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H, cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn H2 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2 có 02 người con chung của anh chị tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016 và

Đỗ Trí K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2020, đang sống chung với anh Đỗ Văn H2 từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị Dương Thị H đồng ý giao 02 người con chung của anh chị cho anh Đỗ Văn H2 được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Đỗ Thị Tường D. Hội đồng xét xử thấy rằng, 02 người con chung của anh chị đã sống thích nghi với cuộc sống hiện tại, người con chung của anh chị tên Đỗ Thị Tường D có nguyện vọng chung sống với anh Đỗ Văn H2. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị H, giao 02 người con chung của anh chị tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2020 cho anh Đỗ Văn H2 được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Đỗ Thị Tường D là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đỗ Văn H2 không yêu cầu chị Dương Thị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2 tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn H2.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung của anh chị tên: Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016 và Đỗ Trí K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2020 cho anh Đỗ Văn H2 được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Đỗ Thị Tường D và hiện nay đang chung sống với anh Đỗ Văn H2.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn H2 không yêu cầu chị Dương Thị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Dương Thị H và anh Đỗ Văn H2 tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003410 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Dương Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/3/2025. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã N, AB, Kiên Giang;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo